

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN ÂN PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN ÂN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110579291

3. Ngày thành lập: 21/12/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 48, đường số 23, KĐT Thành phố Giao lưu, Phường Cổ Nhuế 2, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0397579999

Fax:

Email: jscthienanphat@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Loại trừ hoạt động đấu giá	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Trừ hoạt động đấu giá	4620
7.	Bán buôn thực phẩm Trừ hoạt động đấu giá	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
10.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Trừ hoạt động đấu giá	4669
12.	Trồng cây hàng năm khác	0119
13.	Trồng cây ăn quả	0121
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm Trồng cây dược liệu	0128
16.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

17.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
18.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
19.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
20.	Chăn nuôi gia cầm	0146
21.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
22.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
23.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
24.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
25.	Dịch vụ đóng gói	8292
26.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
27.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Theo Luật Kinh doanh Bất động sản 2014 – Kinh doanh Bất động sản	6810
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Loại trừ hoạt động đấu giá	6820
30.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
31.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế quy hoạch xây dựng - Thiết kế xây dựng công trình; + Thiết kế kiến trúc công trình. + Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan; + Thiết kế kết cấu công trình; + Thiết kế điện - cơ điện công trình; + Thiết kế cấp - thoát nước; + Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt; + Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng; + Thiết kế phòng cháy - chữa cháy. - Giám sát thi công xây dựng (Điều 49 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015) + Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện; + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình; + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ.	7110
32.	Quảng cáo Loại trừ hoạt động quảng cáo thuốc lá	7310
33.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
34.	Cho thuê xe có động cơ	7710
35.	Bán buôn tổng hợp Loại trừ hoạt động đấu giá	4690(Chính)
36.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
37.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

38.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
39.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
40.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
41.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
42.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
43.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
44.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
45.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
46.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
47.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
48.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
49.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
50.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chỉ triển khai hoạt động khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	4931
51.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định, Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
52.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chỉ triển khai hoạt động khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Nghị định 10/2020/NĐ-CP về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	4933
53.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
54.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
55.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
56.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
57.	Bốc xếp hàng hóa	5224
58.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
59.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chỉ triển khai hoạt động khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự, đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	5510
60.	Cơ sở lưu trú khác Chỉ triển khai hoạt động khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Nghị định 96/2016/NĐ-CP quy định điều kiện về an ninh, trật tự, đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện	5590

61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
62.	Dịch vụ ăn uống khác Không bao gồm quán bar, vũ trường, karaoke	5629
63.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
64.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
65.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
66.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
67.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
68.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm trừ hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm	7810
69.	Điều hành tua du lịch Chỉ triển khai hoạt động doanh nghiệp khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật Du lịch năm 2017	7912
70.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
71.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
72.	Thu gom rác thải độc hại	3812
73.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
74.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
75.	Tái chế phế liệu	3830
76.	Xây dựng nhà để ở	4101
77.	Xây dựng nhà không để ở	4102
78.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
79.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
80.	Xây dựng công trình điện	4221
81.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
82.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
83.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
84.	Xây dựng công trình thủy	4291
85.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
86.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
88.	Phá dỡ Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn	4311
89.	Chuẩn bị mặt bằng Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn	4312
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
91.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

92.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
93.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773

6. **Vốn điều lệ:** 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN NHIỆM	Đường Phú Hải, Phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	60.000	4.080.000.000	60,000	034065002001	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	60.000	4.080.000.000	60,000		

2	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	Số 45/16 Vạn Mỹ, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	1.360.000.000	20,000	034189000717
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	1.360.000.000	20,000	
3	PHẠM THỊ THU	Xóm 10, Xã Trục Đại, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	1.360.000.000	20,000	C5411378
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	20.000	1.360.000.000	20,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM THỊ THU

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 08/08/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C5411378

Ngày cấp: 11/06/2018

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: *Xóm 10, Xã Trục Đại, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm 10, Xã Trục Đại, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội